

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 05-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Danh Hoàng Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Sơn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị G, sinh năm: 1971 tại Tân Hiệp, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đỗ Thị Q; Chồng là Trần Văn D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21/9/2015 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1995 (con ruột bị cáo) (có mặt)

Nơi ĐKTT: Số 142 Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Số 197 ấp T, xã T, huyện T, TP. Cần Thơ

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Tiền N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị hại:

Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1955 (chết)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 19 Tổ 20 ấp Tân Hòa A, xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào ngày 19/9/2015, Nguyễn Thị G đến ở nhờ nhà chị ruột là bà Nguyễn Thị Q tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Đến chiều ngày 20/9/2015, G nghe ông Đặng Ngọc H (hàng xóm của bà Q) nói với một số người khác về việc G bị chồng đuổi đi, G chửi ông H thì bị ông H cầm 01 đoạn cây rựa đánh nhưng G bỏ chạy nên ông H chưa đánh được.

Đến khoảng 08 giờ, ngày 21/9/2015, trong lúc G đi bán vé số ở chợ Tân Hiệp, G nhớ lại việc ông H nói sẽ đánh G nên G đi mua 01 cây dao, loại dao Thái Lan cán vàng dài 21,5 cm, G dùng bọc nylon quần dao lại rồi giấu vào trong lưng quần để phòng thân.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, G đi về nhà bà Q, cùng lúc này, ông H đi từ nhà bà Đỗ Thị H1 ở gần đó, trên tay ông H có cầm 01 đoạn dây điện dài 52 cm và 02 bulong kim loại dài 26 cm. Bà H1 nói với ông H cẩn thận, coi chừng G. Chị Lê Thị Hạnh đứng gần đó cũng kêu ông H đi về nhà nhưng ông H nói nếu G chửi nữa thì sẽ đánh G. Sau đó, ông H xông đến dùng tay trái nắm tóc G kéo xuống, tay phải ông H cầm bulong đánh trúng đầu G 02 cái, G dùng tay phải rút dao Thái Lan cán vàng trong lưng quần ra đâm trúng vào người ông H 01 nhát. Sau đó, G bị Công an xã T lập biên bản bắt quả tang còn ông H được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Hiệp nhưng ông H đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Về các vấn đề khác:

*Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 334/KL-KTHS, ngày 08/10/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Kiên Giang, đối với tử thi Đặng Ngọc H – Sinh năm: 1955, HKTT tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau:

+ Các kết quả chính:

- Vết thương vùng hạ sườn trái gây sâu thủng vào ổ bụng, hướng vết thương từ trước ra sau sang phải gây đứt xuyên thấu dạ dày và đứt thủng động mạch chủ bụng.

- Ổ bụng có khoảng 1.000 ml máu loãng.

- Trong dạ dày có khoảng 400 ml máu loãng và 500 g máu cục.

+ Kết luận: Đặng Ngọc H tử vong sốc mất máu cấp do đứt thủng động mạch chủ bụng.

*Tại bản kết luận giám định tâm thần số: 68/KLGĐTC, ngày 02/11/2015 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ – Bộ Y tế, đối với Nguyễn Thị G, kết luận như sau:

+ Về y học:

- Trước, trong khi phạm tội: Động kinh (G40-ICD10).

- Sau khi phạm tội và hiện tại: Động kinh + rối loạn phân ly hỗn hợp (F44.7-ICD10).

+ Về pháp luật: Đương sự phạm tội trong tình trạng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

*Tại bản kết luận giám định tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số: 546/KL-VPYTW, ngày 12/12/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa – Bộ Y tế, đối với Nguyễn Thị G, kết luận như sau:

- Bị bệnh: Động kinh/ Rối loạn phân ly hỗn hợp (G40/F44.7-ICD.10).

- Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

*Vật chứng vụ án thu giữ:

- 02 bulong bằng kim loại cùng chiều dài 26 cm và đường kính 1,6 cm.

- 01 đoạn dây điện dài 52 cm, có vỏ bọc bên ngoài bằng nhựa màu đen, đường kính 1,65 cm, bên trong có 02 dây gồm 01 dây có vỏ bọc bằng nhựa màu đỏ và 01 dây có vỏ bọc bên ngoài màu trắng, đường kính 0,6 cm.

- 01 cây dao Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng, chiều dài là 21,5 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 12 cm, cán dao dài 9,5 cm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSTKG-P2 ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị G đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 2 Điều 123, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G mức án tù 05 – 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 591 Bộ luật Dân sự

Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường cho bà Phạm Thị D (vợ bị hại Đặng Ngọc H) là người đại diện hợp pháp của bị hại tiền mai táng phí là 28.370.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng cho 01 người con của bị hại là Đặng Thị Cẩm Tiên theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Xét thấy những vật chứng trên có liên quan đến vụ án và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Tiền N bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do ông Đặng Ngọc H đuổi đánh và cự cãi với bị cáo trước. Bản thân bị cáo có bệnh động kinh, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử bị cáo mức án dưới mức Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị G khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường mai táng 28.370.000 đồng tổn thất tinh thần và cấp dưỡng cho 01 người con của bị hại là Đặng Thị Cẩm Tiên (sinh ngày 27/8/2001) kể từ ngày phạm tội 21/9/2015 cho đến khi Tiên đủ 18 tuổi. Đề nghị xử bị cáo mức án như Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo biết hối lỗi rồi, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Vào ngày 20/9/2015, Nguyễn Thị G và ông Đặng Ngọc H xảy ra mâu thuẫn, G bị ông H cầm cây rượt đánh nên ngày 21/9/2015, G đi mua 01 cây dao Thái Lan giấu vào trong người. Đến khoảng 15 giờ, ngày 21/9/2015, G và ông H gặp nhau trước nhà bà Đỗ Thị H1 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, ông H cầm bulong kim loại xông vào đánh 02 cái trúng vào đầu G nên G rút dao đâm 01 nhát trúng vùng hạ sườn trái ông H. Hậu quả, ông H tử vong sốc mất máu cấp do đứt thủng động mạch chủ bụng. Như vậy, ngay từ đầu, bị cáo G không muốn gây sự với ông H, nhưng do ông H rượt đánh G, đến ngày hôm sau lại tiếp tục dùng bulong xông vào đánh G, phải có sự tấn công của phía người bị hại trước, bị cáo mới tức giận cầm dao tấn công người bị hại. Nếu ông H không đánh bị cáo Nguyễn Thị G thì không thể nào có hành vi phản kháng quyết liệt như vậy. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như luận tội của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo dùng dao đâm một nhát chí mạng vào vùng hạ sườn trái của bị hại, làm nạn nhân sốc mất máu cấp và chết ngay sau đó, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng người khác, gây ra cảnh đau thương mất mát cũng như tổn thất về mặt tinh thần cho gia đình của Đặng Ngọc H rất lớn, không gì có thể bù đắp được, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn

năn hồi cải. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, là người bị bệnh động kinh và rối loạn phân ly hỗn hợp (theo kết luận giám định pháp y tâm thần), có xác nhận khuyết tật nặng (theo giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, Kiên Giang). Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại Điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[5] Về điều luật áp dụng:

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử đã áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Giết người”, đồng thời xem xét cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Điều 54 và hình phạt tù được quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về quan điểm truy tố của Viện kiểm sát:

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 2 Điều 123, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G mức án từ 05 – 06 năm tù. Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội có khuyết tật nặng tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phạm tội có khung hình phạt cao nhất là đến 15 năm tù. Đây là tội phạm rất nghiêm trọng nên quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

*Về trách nhiệm bồi thường: Do bị cáo Nguyễn Thị G là người gây ra cái chết cho Đặng Ngọc H nên căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ

sung năm 2017 và Điều 591 và Điều 3 Bộ luật Dân sự, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường, cụ thể như sau:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại. Theo đó, bị cáo đồng ý bồi thường mai táng phí cho phía gia đình bị hại là 28.370.000 đồng.

Về tổn thất tinh thần: Bị cáo là người gây ra cái chết cho bị hại. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có lỗi của bị hại, do bị hại tấn công bị cáo trước nên bị cáo mới tức giận và dùng dao đâm chết bị hại nên buộc bị cáo phải bù đắp tổn thất tinh thần cho phía gia đình bị hại là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản bị cáo phải bồi thường là: 68.370.000 đồng

Ngoài ra buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi con của Đặng Ngọc H là cháu Đặng Thị Cẩm Tiên (sinh ngày 27/8/2001) số tiền là 650.000 đồng/tháng tính từ ngày 21/9/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

***Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Vật chứng thu giữ theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 18/QĐ-VKSKG-P2 ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

***Về án phí:**

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.418.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị G** phạm tội “*Giết người*”.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 123, Điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị G 05 (năm) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam 21/9/2015.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 591 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại. Theo đó, bị cáo đồng ý bồi thường mai táng phí cho phía gia đình bị hại là

28.370.000 đồng.

Buộc bị cáo phải bù đắp tổn thất tinh thần cho phía gia đình bị hại là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản bị cáo phải bồi thường là 68.370.000 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Ngoài ra buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi con của Đặng Ngọc H là cháu Đặng Thị Cẩm T (sinh ngày 27/8/2001) số tiền là 650.000 đồng/tháng tính từ ngày 21/9/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 18/QĐ-VKSKG-P2 ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.418.500 đồng (ba triệu bốn trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của BH;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Lưu.

Lê Trọng Hân